TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/DS-PT
Ngày 23-02-2022
"V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Phượng

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 239/2021/TLPT-DS ngày 31 tháng 12 năm 2021 về "tranh chấp hợp đồng dịch vụ".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2021/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 01 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: **Tổ hợp tác trạm bơm điện liên ấp T và N**. Người đại diện: ông **Phan Văn K**, sinh năm 1969.

Nơi cư trú: Ấp 1, xã H, huyện Tân T1, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Mai Tấn Đ, sinh năm: 1965;

Nơi cư trú: Ấp 1, xã H, huyện Tân T1, tỉnh Long An.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: Ấp 1, xã H, huyện Tân T1, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị U: Ông Mai Tấn Đ, sinh năm: 1965;

Nơi cư trú: Ấp 1, xã H, huyện Tân T1, tỉnh Long An.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Mai Tấn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Tổ hợp tác trạm bơm điện liên ấp T và N và cùng lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền là ông Phan Văn K như sau:

Được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An, Ủy ban nhân dân huyện T1 và Ủy ban nhân dân xã H, cùng sự thống nhất của khoảng 130 hộ dân của hai ấp N và ấp T, xã H, thống nhất thành lập **Tổ hợp tác trạm bơm điện liên ấp T và N** (gọi tắc là trạm bơm) theo Quyết định số: 3774/QĐ- UBND ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện T1. Tổ hợp tác tiến hành xây dựng trạm bơm và đi vào hoạt động vụ Đông – Xuân năm 2019-2020.

Trong quá trình hoạt động có 02 hộ không đồng ý tham gia vào trạm bơm là hộ ông Mai Tấn Đ và hộ ông Trần Văn P. Trước khi trạm bơm đi vào hoạt động có mời các hộ dân 02 ấp họp và thông báo giá thu tiền bơm trên 01 vụ lúa và có lập biên bản về việc triển khai bơm nước, lịch gieo xạ khu trạm bơm 1000 Bắc mở rộng vào ngày 28 tháng 09 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã H. Trong biên bản có 06 hộ kênh sườn chưa thông do đê bao không tới được các hộ nên trạm bơm thống nhất thu giá 50% trên một vụ trong đó có hộ ông Mai Tấn Đ.

Sau khi trạm bơm hoạt động thì đại diện trạm bơm có đến hộ ông Đ thu tiền theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 300.000 đồng/hecta x 35.000m^2 = 1.050.000 đồng nhưng bà Út (vợ ông Đ) chỉ đồng ý hỗ trợ trạm bơm 1.000.000 đồng/1vụ/toàn bộ diện tích đất. Nay trạm bơm yêu cầu ông Đ trả số tiền 1.050.000 đồng.

Trong quá trình canh tác hộ gia đình ông Đ có tự ý lấy nước của trạm bơm 03 lần (01 lần khai nước ra, 02 lần khai nước vô), sự việc này trạm bơm có mời 03 hộ dân và đại diện ấp đến chứng kiến lập biên bản. Vì vậy, Trạm bơm đề nghị ông Đ trả tiền lấy nước được tính theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đ (100.000 đồng/1hecta/1 lần x 35.000m^2) x 3 = 1.050.000 đồng.

Năm 2016, ông Đ có thuê đất của ông Mười Bốn cùng 34 hộ khác có làm đê bao lửng để hợp tác sản xuất lúa 03 vụ /năm đến năm 2018 thì trả đất lại cho ông Mười Bốn chỉ tiến hành sản xuất 02 vụ trong năm. Đến khi Trạm bơm thành lập, ông Đ không vô trạm bơm nhưng lại sản xuất 03 vụ/ năm như các hộ khác vào trạm bơm nên trạm bơm đề nghị ông Đ trả số tiền theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 500.000 đồng/năm/1 hecta x 35.000m^2 = 1.750.000 đồng. Vì vậy, Trạm bơm tiến hành thu tiền bơm nước bảo vệ thu hoạch vụ 03 năm 2020 là 1.750.000 đồng.

Tổng số tiền Tổ hợp tác yêu cầu ông Đ và bà U phải trả cho Tổ hợp tác là 5.600.000 đồng (năm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Bị đơn ông Mai Tấn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị U do ông Đ đại diện trình bày: Năm 2018-2019 địa phương có thành lập Tổ hợp tác trạm bơm điện liên ấp T và N có mời hộ ông Đ tham gia vào trạm bơm nhưng hộ ông không đồng ý, ngoài ra còn có 05 hộ gia đình khác cũng không đồng ý (hộ Trần Văn Hiện, Trần Văn Phách, Trần Minh Hiếu, Trần Văn Phương, Lê Văn Út). Lý do: Năm 2015 ông K có nói với ông Đ là đừng vô đê vì vô đê phức tạp nhưng hiện nay ông K lại thành lập trạm bơm nên ông không đồng ý vô đê. Do hộ ông Đ có điều kiện để bơm nước sản xuất lúa và đất trũng, nên vào đê bao sẽ gây ảnh hưởng cho việc sản xuất lúa, đất của hộ ông; mặt khác đất của hộ ông giáp kênh Dương Văn Dương và Kênh 1000 nên có thể tự bơm nước vào sản xuất lúa mà không cần phải vào trạm bơm.

Ông K trình bày trong biên bản họp có 06 hộ Kênh sườn chưa thông do đê bao không tới được các hộ đó nên trạm bơm thống nhất thu giá 50% trên một vụ trong đó có hộ của ông; sự việc này ông không biết và sau đó có mời ông để thông báo việc này nhưng ông không thống thất.

Ông K trình bày trạm bơm trình trong quá trình canh tác hộ ông có tự ý lấy nước của trạm bơm ba lần (01 lần khai nước ra, 02 lần khai nước vô) là hoàn toàn không có.

Năm 2016 vợ chồng ông có thuê đất của ông Mười Bốn cùng 34 hộ khác có làm đê bao lửng để canh tác sản xuất lúa 03 vụ/năm đến năm 2018 thì trả đất lại cho ông Mười Bốn có tiến hành sản xuất 03 vụ/năm và phần diện tích đất của ông chỉ khoảng 03 mẫu, phần đất này ông canh tác 03 vụ/năm từ trước khi vào đê bao.

Trạm bơm tiến hành thu tiền bơm nước bảo vệ thu hoạch vụ 03 là 500.000 đồng/hecta ông cũng không đồng ý.

Trong năm 2019 -2020 gia đình ông đồng ý hỗ trợ 300.000 đồng/1hecta (diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) đối với việc trạm bơm rút nước trả phục vụ cho việc sản xuất lúa nhưng phía đại diện tổ hợp tác không đồng ý nhận số tiền này.

Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2021/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh đã căn cứ vào Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 513, 514, 515, 516, 517,518, 519 Bộ luật dân sự.

Áp dụng Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của Tổ hợp tác.

Buộc ông Đ và bà U liên đới hoàn trả cho Tổ hợp tác trạm bơm điện liên ấp T và N (người đại diện ông K) tổng số tiền là 3.250.000 đồng (trong đó tiền bơm

nước vụ Đông Xuân 2019 là 1.050.000 đồng, 03 lần sử dụng nước số tiền 450.000 đồng, tiền sử dụng đê bao Kênh Cò 1.750.000 đồng).

Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Bác yêu cầu của Tổ hợp tác với số tiền là 2.350.000 đồng (trong đó 03 lần sử dụng nước là 600.000 đồng; tiền bơm nước vụ 03 là 1.750.000 đồng).

Về án phí: Ông Đ và bà U phải chịu 300.000 đồng sung công quỹ Nhà nước; Tổ hợp tác phải chịu 300.000 đồng, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Tổ hợp tác đã nộp theo lai thu số 001418 ngày 04 tháng 03 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, thành án phí.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, ông Đ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét bác yêu cầu khởi kiện của Tổ hợp tác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn thay đổi một phần kháng cáo, không đồng ý trả cho Tổ hợp tác số tiền 03 lần sử dụng nước là 450.000 đồng và tiền mua đất nâng cấp đê bao Kênh Cò là 1.750.000 đồng.

Nguyên đơn do ông K đại diện ủy quyền trình bày: Tổ hợp tác yêu cầu ông Đ và bà U hoàn trả tiền sử dụng nước tưới tiêu và sử dụng đê bao với tổng số tiền là 5.600.000 đồng (trong đó tiền trạm bơm hoạt động 300.000 đồng x 35.000 m^2 thành tiền là 1.050.000 đồng; tiền khai nước vô, ra 03 lần mỗi lần 100.000 đồng x 35.000 m^2 thành tiền là 1.050.000 đồng; tiền mua đất nâng cấp đê Kênh Cò sử dụng trạm bơm sản xuất lúa vụ 03 năm 2018 là 500.000 đồng/1ha/năm x 35.000m^2 thành tiền 1.750.000 đồng; tiền bơm nước bảo vệ thu hoạch vụ 03 năm 2020 là 500.000 đồng /ha x 35.000 đồng thành tiền 1.750.000 đồng.

Bị đơn ông Đ trình bày: Chỉ thống nhất trả cho Tổ hợp tác tiền bơm nước vụ Đông Xuân 1.050.000 đồng. Ông không lấy nước và rút nước của Tổ hợp tác vì trạm bơm có người quản lý việc bơm nước, tháo nước vào các khu vực, ông không có tháo bọng xả nước nên không đồng ý trả số tiền 450.000 đồng và không đồng ý trả 1.750.000 đồng về việc mua đất nâng cấp đê bao Kinh Cò vì hoàn toàn không có căn cứ chứng minh có việc mua đất, mua giá bao nhiêu để nâng cấp Kinh Cò.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Ông Đ kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Ông Đ kháng cáo không đồng ý trả cho Tổ hợp tác tiền 03 lần sử dụng nước 450.000 đồng và tiền mua đất để nâng cấp đê bao Kênh Cò 1.750.000 đồng, thấy rằng:

Tổ hợp tác trạm bơm thành lập theo quyết định số 3774/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện T1 và sự thống nhất của khoảng 130 hộ dân của 02 ấp N và T. Tổ hợp tác tiến hành xây dựng trạm bơm và đi vào hoạt động vụ Đông – Xuân năm 2019 – 2020. Ông Đ không đồng ý vào trạm bơm nhưng trong quá trình trạm bơm hoạt động thì có sử dụng nước của trạm bơm 03 lần, sự việc này có bà Trần Thị Trúc L là trưởng ấp xác nhận sau khi nghe tin báo và có đến hiện trường thấy nắp bọng ruộng của ông Đ và bà U khai thông để nước của trạm bơm vô ra ruộng lúa của ông Đ tự do. Bà L có yêu cầu hộ ông Đ ngưng sử dụng nhưng không được chấp nhận. Vì vậy, trạm bơm yêu cầu hộ ông Đ trả số tiền khai thác nước của trạm bơm 450.000 đồng là có căn cứ.

Đối với số tiền mua đất để nâng cấp Kênh cò sử dụng trạm bơm sản xuất lúa 1.750.000 đồng. Ông Đ và bà U không đồng ý nhưng trong quá trình canh tác lúa đảm bảo cho việc tưới tiêu cũng như thu hoạch lúa 03 vụ hàng năm thì hộ ông Đ cũng có sử dụng đê bao này. Nên yêu cầu của trạm bơm là có căn cứ.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của ông Đ hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của ông Đ thấy rằng: Được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân xã H và sự thống nhất của khoảng 130 hộ dân của 02 ấp N và ấp T, xã H về việc thành lập Tổ hợp tác trạm bơm điện liên ấp T và N theo Quyết định số 3774/QĐ- UBND ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện T1. Tổ hợp tác tiến hành xây dựng trạm bơm và đi vào hoạt động vào vụ Đông – Xuân năm 2019-2020. Trong quá trình hoạt động hộ ông Đ không đồng ý vào trạm bơm. Trước khi trạm bơm đi vào hoạt động thì có mời các hộ dân 02 ấp để tiến hành họp và thông báo giá thu tiền bơm trên một vụ lúa, việc triển khai bơm nước và lịch gieo xạ khu trạm

bơm 1000 Bắc mở rộng vào ngày 28 tháng 09 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã H. Trong biên bản có thống nhất 06 hộ kênh sườn chưa thông do đê bao không tới được các hộ đó nên trạm bơm thống nhất thu 50% trên một vụ trong đó có hộ ông Mai Tấn Đ.

[3.1] Ông Đ không đồng ý yêu cầu trả tiền nước sử dụng 03 lần là 450.000 đồng vì cho rằng không có sử dụng nước của trạm bơm, nhưng sự việc có bà Trần Thị Trúc L là trưởng ấp N xác nhận; sau khi nghe tin báo thì bà L có đến hiện trường thấy nắp bọng đất nhà ông Đ và bà U khai thông để nước của trạm bơm vô, ra ruộng lúa của ông Đ tự do. Bà L có gọi điện báo cho ông Đ yêu cầu không khai nữa nhưng không được chấp nhận, bà L tiến hành lập biên bản nhưng ông Đ không ký tên và nói là Kênh của Nhà nước nên có quyền khai để sử dụng. Điều này, cho thấy ông Đ và bà U có sử dụng nước của trạm bơm tưới tiêu cho ruộng lúa của mình nhưng không được sự đồng ý của trạm bơm nên Tổ hợp tác yêu cầu ông Đ và bà U trả tiền sử dụng nước là hợp lý. Tại phiên tòa ông Đ xác nhận mỗi lần bơm nước sử dụng trên diện tích 35.000 m^2 khoản 10 lít dầu tương ứng giá dầu DIOREN hiện nay là 15.000 đồng/ lít x 3 lần thành tiền là 450.000 đồng nên buộc ông Đạt và bà Út trả cho trạm bơm số tiền 450.000 đồng là phù hợp.

[3.2] Đối với số tiền mua đất nâng cấp đê Kênh Cò sử dụng trạm bơm sản xuất lúa vụ 03 năm 2018 bằng 500.000 đồng/1ha/năm x 35.000 m^2 thành tiền là 1.750.000 đồng, Tổ hợp tác yêu cầu ông Đ và bà U trả khoản tiền này; Ông Đ và bà U không đồng ý với lý do là nếu không có Kênh Cò nâng cấp ông cũng sản xuất được vụ 03. Nhận thấy, trong quá trình canh tác sản xuất lúa, hộ ông Đ có sử dụng thành quả từ đê bao Kênh Cò và đây là chủ trương chung của Nhà nước để nhằm mang lại hiệu quả cho người dân của 02 ấp trong canh tác lúa nên buộc ông Đạt và bà Út trả số tiền nâng cấp đê bao Kinh Cò 1.750.000 đồng là có căn cứ.

[4] Từ nhận định mục [3], bác toàn bộ kháng cáo của ông Đ. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đạt phải chịu theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Bác toàn bộ kháng cáo của ông Mai Tấn Đ.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2021/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh.

Căn cứ vào Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 513, 514, 515, 516, 517,518, 519, Bộ luật dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Tổ hợp tác trạm bơm điện liên ấp T và N.

Buộc ông Mai Tấn Đ và bà Nguyễn Thị U liên đới trả cho Tổ hợp tác trạm bơm điện liên ấp T và N tổng số tiền là 3.250.000 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó bao gồm tiền bơm nước vụ Đông Xuân 2019 là 1.050.000 đồng, tiền 03 lần sử dụng nước 450.000 đồng, tiền sử dụng đê bao Kênh Cò 1.750.000 đồng.

Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của Tổ hợp tác trạm bơm điện liên ấp T và N, yêu cầu ông Mai Tấn Đ và bà Nguyễn Thị U trả số tiền là 2.350.000 đồng (hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó bao gồm tiền 03 lần sử dụng nước là 600.000 đồng; tiền bơm nước vụ 03 là 1.750.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai Tấn Đ và bà Nguyễn Thị U phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); Tổ hợp tác trạm bơm điện liên ấp T và N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí của Tổ hợp tác trạm bơm điện liên ấp T và N đã nộp theo lai thu số 001418 ngày 04 tháng 03 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, thành án phí.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Mai Tấn Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Mai Tấn Đ đã nộp theo biên lai thu số 0004078 ngày 12 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An. Ông Mai Tấn Đ đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND CC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bích Tuyền